

Mẫu số 4.6: Công bố thông tin về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THÀNH THÀNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:69/2026/KV-TTC.....

....., ngày 13 tháng 4 năm 2026

V/v công bố thông tin về lãi suất thực tế
áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
- NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Căn cứ quy định tại Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 06 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Công công bố thông tin về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về trái phiếu

- Tên trái phiếu: Trái Phiếu TTCCH2428002
- Mã trái phiếu: TGI12404
- Mệnh giá: 100.000.000 VND
- Giá trị phát hành (theo mệnh giá): 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Kỳ hạn: 04 năm
- Ngày phát hành: 17/10/2024
- Ngày đáo hạn: 17/10/2028

2. Thông tin về lãi suất áp dụng

- Loại lãi suất:
☒ Lãi suất thả nổi ☒ Lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi
- Kỳ tính lãi: Kỳ tính lãi thứ 07 (tính từ và bao gồm ngày 17/04/2026 cho đến và không bao gồm ngày 17/07/2026)
- Thời gian áp dụng lãi suất: 03 tháng
- Lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi: 10,9%/năm
- Cách thức xác định lãi suất (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu rõ cách thức xác định lãi suất):

Theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, Lãi Suất áp dụng cho mỗi Kỳ Tính Lãi sau 04 (bốn) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được xác định bằng tổng của 5% (Năm phần trăm)/năm và Lãi Suất Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó, và không thấp hơn 9,7% (Chín phẩy bảy phần trăm)/năm. Trong đó “Lãi Suất Tham Chiếu” được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (lãi suất tham khảo áp dụng cho Khu vực thành phố Hà Nội) (“BIDV”), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Agribank”),



(mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”) công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó.

Theo đó, Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi 07 được xác định như sau:

Ngân Hàng Tham Chiếu	Lãi suất (%/năm)
Vietcombank	5,9
BIDV	5,9
Vietinbank	5,9
Agribank	5,9
Lãi suất tham chiếu	5,9
Biên độ	5,0
Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi 07	10,9

(Đính kèm thông báo là ảnh chụp màn hình lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu).

3. Thông tin về thanh toán

- Ngày thanh toán lãi dự kiến: 17/07/2026
- Phương thức thanh toán: Lãi của các trái phiếu sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào ngày thanh toán lãi.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



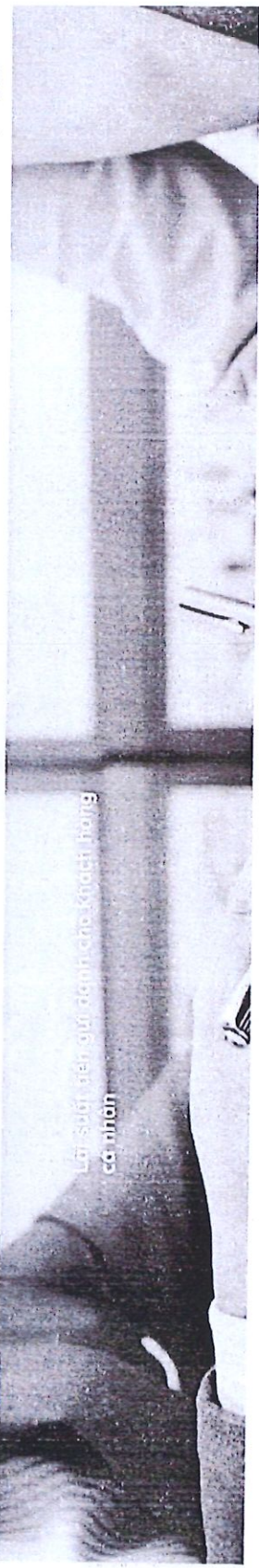
146607
 TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ
 THÀNH C
 Ồ HỒ C



Bảng lãi suất tiền gửi

Tiền gửi có kỳ hạn tại quầy Tiền gửi trực tuyến

Kỳ hạn	VND	EUR	USD
Không kỳ hạn	0.10%	0.30%	0.00%
7 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
14 ngày	0.20%	0.30%	0.00%
1 tháng	2.10%	0.30%	0.00%
2 tháng	2.10%	0.30%	0.00%
3 tháng	2.40%	0.30%	0.00%
6 tháng	3.50%	0.30%	0.00%
9 tháng	3.50%	0.30%	0.00%
12 tháng	5.90%	0.30%	0.00%
24 tháng	6.50%	0.30%	0.00%
36 tháng	5.30%	0.30%	0.00%



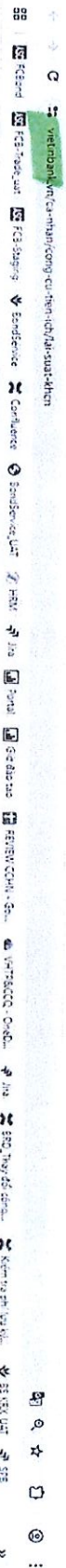
Tiền gửi

Tiền gửi định kỳ

Tiền gửi tích lũy

Tìm kiếm

Kỳ hạn	USD	VND
Không kỳ hạn	0%	0.1%
1 Tháng	0%	2.1%
2 Tháng	0%	2.1%
3 Tháng	0%	2.4%
5 Tháng	0%	2.4%
6 Tháng	0%	3.5%
9 Tháng	0%	3.5%
12 Tháng	0%	5.9%



Ky han	VND (%/năm)	USD (%/năm)	EUR (%/năm)
--------	-------------	-------------	-------------

